

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀNG MAI  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS - ST

Ngày: 27/4/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Trần Thanh Hương.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST - DS ngày 13/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đậu Thị Nh, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1963, có mặt.

Ông Lê Văn T, sinh năm 1962, vắng mặt.

Đều địa chỉ: Thôn T1, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

*Người làm chứng:* Chị Lê Thị M, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đậu Thị Nh trình bày:*

Chị Đậu Thị Nh có cho vợ chồng bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T vay tiền nhiều lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 14/8/2017 vay 50.000.000đ.

Lần thứ 2: Ngày 30/10/2017 vay số tiền 10.000.000đ.

Lần thứ 3: Ngày 18/11/2017 vay số tiền 50.000.000đ.

Lần thứ 4: Ngày 24/3/2018 vay số tiền 50.000.000đ.

Tổng cộng số tiền gốc vay là 160.000.000đ.

Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền nhưng không hẹn cụ thể ngày trả nợ mà thỏa thuận khi nào cần tiền thì chị Đậu Thị Nh thông báo trước và bà Ng ông T phải trả cả gốc và lãi đầy đủ và thỏa thuận lãi suất miệng 1,5%/tháng. Khi vay bà Ng có nói mục đích vay nợ là để vợ chồng kinh doanh buôn bán. Sau khi vay bà Ng trả tiền lãi đầy đủ đến hết tháng 3/2019 thì không trả được tiền lãi. Ngày 24/6/2018 bà Ng trả cho chị Nh số tiền gốc là 20.000.000đ. Tháng 01/2019 bà Ng trả cho chị Nh số tiền gốc là 10.000.000đ. Sau khi chị Nh cần tiền tháng 04/2019 đã yêu cầu bà Ng, ông T trả tiền gốc và lãi nhiều lần nhưng bà Ng và ông T không trả.

Trong giấy vay tiền có chữ ký của chị Lê Thị M là con gái bà Ng là do bà Ng đi vắng khi vay tiền thì chị M đến nhà chị Nh nhận thay cho bà Ng. Việc vay nợ không liên quan đến chị M. Việc vay nợ giữa chị và vợ chồng bà Ng, ông T chồng chị là anh Lê Bá H1 không biết. Vì vậy, khoản vay này cũng không liên quan đến chồng chị là anh Lê Bá H1.

Tại phiên tòa chị Đậu Thị Nh yêu cầu bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền gốc vay còn nợ là 130.000.000đ và tiền lãi suất với mức lãi suất chị Đậu Thị Nh chỉ yêu cầu 1%/tháng tính từ ngày 01/4/2019 đến tháng 4/2021 thành tiền là 31.200.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 161.200.000đ. Tiếp tục yêu cầu bà Ng và ông T trả tiền lãi suất chậm trả của số tiền nợ chưa thanh toán với mức 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Ng trình bày:*

Chị Đậu Thị Nh có cho bà Lê Thị Ng vay tiền để lấy tiền lãi suất. Lần thứ nhất ngày 14/8/2017 chị Đậu Thị Nh có cho bà Ngạn vay số tiền 50.000.000đ khi chị Nh đưa tiền vào nhà bà Ng. Do bà Ng đi vắng nên con gái là chị Lê Thị M đã nhận tiền thay và ký tên vào giấy vay nợ. Sau đó chị M đã đưa lại tiền đầy đủ cho bà. Việc vay nợ không liên quan gì đến chị M.

Lần thứ 2: Ngày 30/10/2017 vay số tiền 10.000.000đ.

Lần thứ 3: Ngày 18/11/2017 vay số tiền 50.000.000đ.

Lần thứ 4: Ngày 24/3/2018 vay số tiền 50.000.000đ.

Tổng số tiền gốc đã vay là 160.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng. Mục đích vay nợ để phục vụ kinh doanh buôn đất, mở quán internet, chung thuyền. Trong quá trình vay nợ bà Ng đã trả được số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi đến hết tháng 3/2019, từ tháng 4 năm 2019 do làm ăn thua lỗ nên không trả được tiền lãi suất. Chị Nh có yêu cầu trả tiền gốc nhưng do làm ăn kinh tế thua lỗ không có tiền trả. Quá trình vay nợ chị Nh có vào nhà bà Ng lấy tiền lãi thì ông T (chồng bà Ng) có biết việc bà Ng vay nợ chị Nh. Theo bà đây là khoản nợ chung của bà và chồng là ông Lê Văn T.

Nay chị Đậu Thị Nh yêu cầu trả tiền gốc là 130.000.000đ và tiền lãi suất với mức 1%/tháng tính từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2021 là 31.200.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 161.200.000đ thì bà nhất trí. Tiền lãi suất chậm trả sau khi xét xử thì bà xin không trả.

*Tại bản tự khai bị đơn ông Lê Văn T trình bày:* Bà Ng có vay nợ chị Đậu Thị Nh số tiền 130.000.000đ. Khi vay nợ chị Nh đưa tiền vào nhà cho bà Ng vay và đến ngày lấy tiền lãi thì chị Nh vào nhà lấy tiền lãi. Ông T có biết việc bà Ng vay nợ chị Nh nhưng không biết vay số tiền bao nhiêu. Sau khi không trả được nợ, ông T mới biết còn nợ 130.000.000đ. Đây là khoản nợ chung vợ chồng ông và bà Ng. Nay chị Đậu Thị Nh khởi kiện yêu cầu ông T và bà Ng trả nợ 130.000.000đ và tiền lãi suất với mức 1%/tháng tính đến tháng 4/2021 thì ông T nhất trí trả dần tiền gốc và xin không trả lãi suất.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn Tam không chấp hành, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn theo yêu cầu.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T có nơi cư trú tại xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Nguyên đơn chị Đậu Thị Nh và bị đơn ông Lê Văn T và Lê Thị Ng đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng chị Nh và bà Ng có mặt, ông T vắng mặt không có lý do nên đã tiến hành hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào điểm b Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Căn cứ vào giấy vay tiền do nguyên đơn chị Đậu Thị Nh cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn bà Lê Thị Ng, ông Lê Văn T có căn cứ xác định bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T có vay nợ chị Đậu Thị Nh nhiều lần. Tổng cộng số tiền gốc vay là 160.000.000đ. Khi vay nợ hai bên không hẹn ngày trả cụ thể, có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất không ghi vào giấy vay nợ. Do đó, giao dịch vay tiền giữ chị Nh và bà Ng là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi suất. Sau khi vay nợ bà Ng đã trả được 30.000.000đ tiền gốc và tiền lãi suất đã trả hết tháng 3/2019. Ông Lê Văn T không ký tên vào giấy vay nợ. Tuy nhiên, mục đích vay nợ là để

phục vụ mục đích kinh doanh chung của vợ chồng ông T và bà Ng. Ông T biết việc bà Lê Thị Ng vay nợ chị Đậu Thị Nh, quá trình trả tiền lãi chị Nh vào nhà ông T và Ng nhận tiền lãi và khi ông T và bà Ng không trả được tiền gốc và tiền lãi chị Nh vào nhà đòi nợ nhiều lần ông T đều biết, không có ý kiến phản đối. Căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự cần buộc bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Đậu Thị Nh là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Trong giấy vay nợ hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau. Theo nguyên đơn chị Nh trình bày hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Bị đơn bà Lê Thị Ng trình bày bà Ng trả tiền lãi suất cho chị Nh với mức 1,6%/tháng. Căn cứ vào giấy trả lãi hàng tháng của bà Lê Thị Ng cung cấp, Hội đồng xét xử thấy mức lãi suất của bà Ng đã trả cho chị Nh là 1,6%/tháng là đúng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất hai bên thực tế trả cho nhau là 1,6%/tháng phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên Tòa chị Nh chỉ yêu cầu bà Ng, ông T trả tiền lãi suất với mức 1%/tháng tính từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2021 thành tiền lãi là 31.200.000đ là tự nguyện cần chấp nhận. Nguyên đơn chị Nh còn yêu cầu bà Ng ông T trả lãi suất chậm mức 1%/tháng sau khi xét xử cho đến khi trả hết nợ nhưng bị đơn bà Ng đề nghị xin tiền lãi suất chậm trả. Vì vậy cần áp dụng lãi suất chậm trả theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp.

[4] Về số tiền gốc và tiền lãi suất phải trả: Yêu cầu của chị Đậu Thị Nh buộc bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T liên đới trả nợ số tiền gốc là 130.000.000đ và tiền lãi suất với mức lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2021 là 31.200.000đ, tổng cả gốc và lãi là 161.200.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đậu Thị Nh.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 cần buộc bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Đậu Thị Nh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, 468, 469 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Buộc bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T liên đới trả nợ cho chị Đậu Thị Nh tiền gốc vay còn nợ là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến tháng 4/2021 là 31.200.000đ (Ba một triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng cả gốc và lãi suất là 161.200.000đ (Một trăm sáu một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn T phải chịu 8.060.000đ (Tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tỷ phần mỗi người phải chịu là 1/2.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Đậu Thị Nh số tiền 3.802.000đ (Ba triệu tám trăm linh hai nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H theo biên lai thu tiền số 0006620 ngày 08/10/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Tuấn**